**BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2023-2024**

**MÔN: TOÁN - LỚP: 8 THỜI GIAN: 90 phút**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Chương/Chủ đề | Nội dung/đơn vị kiểm thức | Mức độ đánh giá | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức |
| NB | TH | VD | VDC |
| 1 | Phân thức đại số | Khái niệm phân thức đại số, Tính chất cơ bản của phân thức đại số | **Nhận biết:*** Nhận biết được các khái niệm cơ bản về phân thức đại số: định nghĩa; điều kiện xác định; giá trị của phân thức đại số; hai phân thức bằng nhau.
* Mô tả được những tính chất cơ bản của phân thức đại số.
 | 5(TN 3,4,5) |  |  |  |
| Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia của phân thức đại số | **Thông hiểu:*** Thực hiện được các phép tính: phép cộng, phép trừ, phép nhân, phép chia đối với hai phân thức đại số.
 |  | 1(TL 1ab) |  |  |
| 2 | Phương trình bậc nhất và hàm số bậc nhất | Phương trình bậc nhất một ẩn. Giải bài toán bằng cách lập phương trình | **Thông hiểu:*** Hiểu được khái niệm phương trình bậc nhất một ẩn và cách giải.
 |  | 1(TN6) |  | 1(TL4) |
| **Vận dụng:**-Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phương trình bậc nhất (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, các bài toán liên quan đến Hoá học,...). |  |  | 1(TL2a) |  |
| Khái niệm hàm số và đồ thị hàm số.Hàm số bậc nhất và đô thị của hàm số bậc nhất. | **Nhận biết:*** Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng *y* = *ax* + *b* (*a*  0).
 | 1(TN 1,2) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**– Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $$y=ax+b,(a\ne 0)$$ |  | 1(TL2b) |  |  |
| 3 | Tam giác đồng dạng | Trường hợp đồng dạng của hai tam giác | **Nhận biết:*** Mô tả được định nghĩa của hai tam giác đồng dạng.
* Tỉ số đồng dạng của 2 tam giác
 | 2(TN 7,8) |  |  |  |
| **Thông hiểu:*** Giải thích được các trường hợp đồng dạng của hai tam giác, của hai tam giác vuông.
 |  | 1(TN 12)1(TL3a) |  |  |
| **Vận dụng:**-Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc vận dụng kiến thức về hai tam giác đồng dạng (ví dụ: tính độ dài đường cao hạ xuống cạnh huyền trong tam giác vuông bằng cách sử dụng mối quan hệ giữa đường cao đó với tích của hai hình chiếu của hai cạnh góc vuông lên cạnh huyền; đo gián tiếp chiều cao của vật; tính khoảng cách giữa hai vị trí trong đó có một vị trí không thể tới được,...). |  |  | 1(TL3b) | 1(TL3c) |
| Định lí Pythagore và ứng dụng | **Nhận biết:*** Mô tả được định lý Pythagore.
 | 1(TN 9) |  |  |  |
| **Thông hiểu:**-Tính được độ dài cạnh trong tam giác vuông bằng cách sử dụng định lí Pythagore. |  | 1(TN10) |  |  |
|  |  | **Hình đồng dạng** | * Nhận biết được hình đồng dạng phối cảnh (hình vị tự), hình đồng dạng qua các hình ảnh cụ thể.

Nhận biết được vẻ đẹp trong tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo,... biểu hiện qua hình đồng dạng. | 1(TN11) |  |  |  |
| Tổng |  | 12 | 7 | 3 | 1 |
| Tỉ lệ % |  | 30% | 32,5% | 27,5% | 10% |
| Tỉ lệ chung |  | 62,5% | 37,5% |